

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Lê Văn Bút

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc H trình bày:***

Bà và ông H1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình vợ chồng sống chung tại thôn V, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2007 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bà về nhà

bố mẹ của mình sinh sống, đến năm 2009 thì vợ chồng quay lại sống chung với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được nên đến năm 2011 bà tiếp tục về nhà bố mẹ mình sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó tới nay. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau và có xô xát nhau. Nay, bà xác định không còn tình cảm gì với ông H1 nữa, mâu thuẫn của ông bà không hòa giải được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H1.

Về quan hệ con chung: Bà xác định bà và ông H1 có 02 con chung tên là Trần Thanh N, sinh ngày 17/10/2005 và Trần Ngọc V, sinh ngày 09/10/2007. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con Trần Thanh N và giao con Trần Ngọc V cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Thanh H1 trình bày:***

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Ông xác nhận trong quá trình chung sống thì đến năm 2011, vì điều kiện học hành của con cái nên mỗi người phải ở một nơi để nuôi con, từ đó dẫn đến xa mặt cách lòng và do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi từ đó đến nay. Nay ông có nguyện vọng xin Tòa án cho ông một thời hạn để sắp xếp công việc gia đình, qua thời gian mất tang của mẹ ông rồi mới quyết định việc ly hôn đối với bà H. Vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H.

Về quan hệ con chung: Ông xác định ông và bà H có 02 con chung tên là Trần Thanh N, sinh ngày 17/10/2005 và Trần Ngọc V, sinh ngày 09/10/2007. Vì hiện tại ông không đồng ý ly hôn nên ông chưa có nguyện vọng gì về con chung và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*** Trích lục kết hôn; bản sao Giấy khai sinh của con chung; bản sao CMND, Sổ hộ khẩu; bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn; lời khai của con chung, biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật***

của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H và áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn ông Trần Thanh H1. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Trần Thanh N cho bà H nuôi dưỡng, giao con Trần Ngọc V cho ông H1 nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà H và ông H1 không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí sơ thẩm bà Hân phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện bị đơn là ông Trần Thanh H1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Thanh H1 xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào 2004 tại UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên tha thiết xin ly hôn, còn ông H1 không đồng ý ly hôn vì mong muốn để cho con cái học hành ổn định và cho rằng việc quyết định ly hôn tại thời điểm này là chưa phù hợp. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Quá trình sống chung thì giữa vợ chồng bà H và ông H1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp, ông bà không sống chung với nhau trong một thời gian dài. Bà H và ông H1 đều thừa nhận là từ năm 2011 đến nay ông bà mỗi người nuôi một con và sống mỗi nơi, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông H1 đã trầm trọng, không có cuộc sống chung và mục đích cuộc hôn

nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin được ly hôn của bà H là chính đáng, phù hợp với pháp luật nên cần áp dụng Điều 56 hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn đối với ông H1.

[2] Về con chung: Bà H ông H1 xác định có 02 con chung tên là Trần Thanh N, sinh ngày 17/10/2005 và Trần Ngọc V, sinh ngày 09/10/2007. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được nuôi con Trần Thanh N và giao con Trần Ngọc V cho ông H1 nuôi dưỡng; còn ông H1 thì không có nguyện vọng, ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xét thấy, bà H và ông H1 đã sống ly thân và mỗi người trực tiếp nuôi một con từ năm 2011 đến nay. Con Trần Thanh N có nguyện vọng được sống cùng mẹ, con Trần Ngọc V có nguyện vọng sống cùng cha. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con Trần Thanh N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao con Trần Ngọc V cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ nhằm đảm bảo cho ổn định và sự phát triển của con cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung. Bà H và ông H1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Hân phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Trần Thanh H1 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn ông Trần Thanh H1.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trần Thanh N, sinh ngày 17/10/2005 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên là

Trần Ngọc V, sinh ngày 09/10/2007 cho ông Trần Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Thanh H1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Ngọc H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0427 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Phước
(Số ĐKKH: 06 ngày 03/02/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Anh Tuấn